

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

PHAN THỊ DƯƠNG THANH

**TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG ĐỒNG  
PHẠM THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM  
(TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK)**

*Chuyên ngành:* Luật hình sự và tố tụng hình sự  
*Mã số:* 60 38 01 40

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS.TS. TRỊNH QUỐC TOẢN**

*Phản biện 1:* .....

*Phản biện 2:* .....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2015*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục từ viết tắt

Danh mục các bảng

Danh mục các biểu đồ

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG ĐỒNG PHẠM THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</b> .....	5
<b>1.1. Khái niệm đồng phạm, dấu hiệu pháp lý và ý nghĩa của đồng phạm, các hình thức đồng phạm và phân loại đồng phạm</b> .....	5
1.1.1. Khái niệm đồng phạm.....	5
1.1.2. Dấu hiệu pháp lý và ý nghĩa của đồng phạm.....	9
1.1.3. Các loại người đồng phạm.....	13
1.1.4. Các hình thức đồng phạm .....	21
1.1.5. Phạm tội có tổ chức.....	25
<b>1.2. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo quy định của Luật hình sự Việt Nam</b> .....	29
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm hình sự .....	29
1.2.2. Cơ sở của trách nhiệm hình sự trong đồng phạm.....	34
1.2.3. Các nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm.....	38
1.2.4. Một số vấn đề liên quan đến xác định trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm.....	47
<b>Chương 2: THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT VỀ “TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG ĐỒNG PHẠM THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM” TRONG CÔNG TÁC XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN HAI CẤP CỦA TỈNH ĐẮK LẮK (THỜI GIAN TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2013)</b> .....	58
<b>2.1. Những kết quả đạt được của Cơ quan Tòa án trong việc vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết về “Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm” đối với các vụ án đồng phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (theo số liệu từ năm 2009 đến năm 2013)</b> .....	58

2.1.1.	Thực trạng tình hình tội phạm nói chung và tội phạm tham gia với vai trò đồng phạm nói riêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk .....	58
2.1.2.	Dựa vào tính chất của đồng phạm .....	69
2.1.3.	Dựa vào các đặc điểm nhân thân người phạm tội trong các vụ đồng phạm.....	91
<b>2.2.</b>	<b>Những hạn chế, vướng mắc của Cơ quan Tòa án trong việc vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết về “Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm” đối với các vụ đồng phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (theo số liệu từ năm 2009 đến năm 2013) .....</b>	<b>94</b>
<b>2.3.</b>	<b>Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc của cơ quan Tòa án trong việc giải quyết trách nhiệm hình sự trong đồng phạm .....</b>	<b>102</b>
2.3.1.	Nguyên nhân khách quan.....	102
2.3.2.	Nguyên nhân chủ quan .....	103
<b>Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG ĐỒNG PHẠM THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NHẪM ĐÁP ỨNG VỚI THỰC TIỄN XÉT XỬ, CÔNG TÁC ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP HIỆN NAY.....</b>		<b>104</b>
<b>3.1.</b>	<b>Sự cần thiết phải hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam .....</b>	<b>104</b>
<b>3.2.</b>	<b>Một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự hiện hành nhằm để giải quyết về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm .....</b>	<b>106</b>
<b>3.3.</b>	<b>Những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật để giải quyết về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....</b>	<b>112</b>
3.3.1.	Nhóm giải pháp về tổ chức cán bộ và chuyên môn nghiệp vụ.....	112
3.3.2.	Nhóm giải pháp về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật .....	115
<b>KẾT LUẬN .....</b>		<b>117</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>		<b>119</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đồng phạm là một chế định quan trọng và hầu như xuyên suốt trong Bộ luật hình sự Việt Nam. Nhận thức lý luận về đồng phạm và áp dụng vào thực tiễn phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm thường rất đa dạng, khó khăn, phức tạp. Nghiên cứu vấn đề xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 đến năm 2013, chúng tôi nhận thấy: *Một là* các cấp Tòa án và các cán bộ xét xử nhiều khi chưa quan tâm sâu sắc, chưa nhận thức đầy đủ và thống nhất về đồng phạm; *Hai là* xác định trách nhiệm hình sự trong nhiều vụ án có đồng phạm còn chưa rạch ròi, chính xác, đúng với vai trò, vị trí, động cơ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tính chất hành vi của từng bị cáo; *Ba là* hoạt động đúc kết kinh nghiệm, trao đổi nghiệp vụ, tổng kết lý luận theo chuyên đề xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm trong nhiều năm qua chưa được quan tâm đúng mức. Chính vì lẽ đó, trong luận văn cao học, chuyên ngành Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự của mình, tôi mạnh dạn chọn đề tài: **“Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)”**.

### 2. Tình hình nghiên cứu

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam từ trước đến nay, vấn đề đồng phạm nói chung và trách nhiệm hình sự trong đồng phạm đã được nhiều tác giả nghiên cứu, đúc kết trên nhiều phạm vi địa bàn khác, trong các khoảng thời gian khác nhau. Có thể kể ra một số công trình, tài liệu điển hình như sau: 1) *Chương X “Đồng phạm”* trong sách: “*Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*” của trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003 do Tập thể tác giả PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên; 2) GS.TSKH. Lê Văn Cẩm, “*Về chế định đồng phạm trong Luật hình sự Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Tập san Tòa án nhân dân, số 2/1988; 3) GS.TSKH. Lê Văn Cẩm, *Mục VI – Chế định Đồng phạm*, Chương thứ tư, trong *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)*, (Sách chuyên khảo sau đại học), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005; 4) Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Trần Quang Tiệp về “*Đồng phạm trong Luật hình sự Việt Nam*”, trường Đại học Luật Hà Nội, 2000; 5) TS. Trịnh Quốc Toàn, *Chương XIII – Đồng phạm*, trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*. Tập thể tác giả do GS.TSKH. Lê Cẩm chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001 (tái bản năm 2003); 6) TS. Trịnh Tiến Việt, *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013; 7) *Bình luận khoa*

*học Bộ luật hình sự năm 1999 (phần chung)* của TS. Ưng Chu Lưu (chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia, 2004; 8) *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (phần chung)* của Th.S Đinh Văn Quế (chủ biên), Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 2004...

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy:

- Kết quả nghiên cứu về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm là phong phú, đa dạng và sâu sắc, tuy nhiên lại chưa được hệ thống theo một quan điểm chính thống, có tính hệ thống thống nhất để phục vụ học tập, trao đổi và chỉ đạo thực tiễn.

- Chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu vấn đề xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Vì thế, đề tài: **“Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)”** có tính cấp thiết cao.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở đúc kết lý luận nhận thức về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm và khảo sát quá trình áp dụng trong xét xử các vụ án đồng phạm ở Đắk Lắk thời gian từ 2009 - 2013, đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử các vụ án đồng phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng, trên cả nước nói chung trong thời gian tới.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để thực hiện mục đích trên, luận văn có các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu các công trình khoa học và các tài liệu có liên quan để đúc kết một cách có hệ thống, có độ tin cậy cao về nhận thức trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật Hình sự Việt Nam.

- Khảo sát quá trình truy tố, xét xử các vụ án đồng phạm tại các cơ quan Tòa án ở tỉnh Đắk Lắk trong các năm từ 2009 - 2013, chỉ ra các ưu điểm và các thiếu sót, khuyết nhược điểm trong khi xác định trách nhiệm hình sự các bị cáo trong các vụ án đồng phạm.

- Nêu ra các kiến nghị đề xuất cả về lý luận nhận thức lẫn chỉ đạo thực tiễn (tổ chức cán bộ, bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn chuyên đề, tổng kết kinh nghiệm...) để góp phần nâng cao hiệu quả xác định đúng trách nhiệm hình sự trong các vụ án đồng phạm trong thời gian tới.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Các văn bản tài liệu có liên quan đến chuyên đề đồng phạm và trách nhiệm hình sự trong đồng phạm trong luật Hình sự Việt Nam.

- Hoạt động truy tố, xét xử các vụ án đồng phạm tại Đắk Lắk từ năm 2009 - 2013.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài chỉ giới hạn nghiên cứu xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật Hình sự Việt Nam và lấy số liệu minh họa tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong khoảng thời gian 5 năm từ năm 2009 đến năm 2013.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Phương pháp luận**

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật của Nhà nước; các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự; các bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk...

#### **5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể**

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu;
- Phương pháp khảo sát thực tế;
- Phương pháp phân tích, thống kê, tổng hợp;

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Việc nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa vô cùng quan trọng cả về phương diện lý luận cũng như thực tiễn.

#### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

- Luận văn góp phần hệ thống hóa vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam hiện nay.

- Luận văn có thể được dùng làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo tại các Học viện tư pháp, các trường Đại học, cao đẳng, các cơ sở giảng dạy có chuyên khoa luật.

#### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

- Luận văn góp phần tổ chức lực lượng các cơ quan tư pháp; góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động truy tố xét xử các vụ án đồng phạm ở Đắk Lắk trong thời gian tới.

- Luận văn có thể trở thành tài liệu tham khảo tốt cho các cán bộ Tòa án trong nhận thức về đồng phạm và xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm; từ đó góp phần giải quyết các vụ án có đồng phạm nhanh chóng, khách quan, đúng pháp luật.

### **7. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục từ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo, lời cảm ơn, nội dung luận văn được bố cục thành 3 chương:

*Chương 1:* Một số vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam.

*Chương 2:* Thực tiễn giải quyết trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam trong công tác xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk (thời gian từ 2009 đến năm 2013)

*Chương 3:* Những giải pháp hoàn thiện về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam nhằm đáp ứng với thực tiễn xét xử, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và yêu cầu cải cách tư pháp của đất nước hiện nay.

## **Chương 1**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN**

### **VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG ĐỒNG PHẠM**

### **THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

#### **1.1. Khái niệm đồng phạm, dấu hiệu pháp lý và ý nghĩa của đồng phạm, các hình thức đồng phạm và phân loại đồng phạm**

##### **1.1.1 . Khái niệm đồng phạm**

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt. Tại khoản 1 Điều 8 BLHS 1999 có quy định: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa”*.

##### **1.1.2 . Dấu hiệu pháp lý và ý nghĩa của đồng phạm**

Từ khái niệm đồng phạm nêu trên, có thể thấy đồng phạm đòi hỏi phải thỏa mãn các dấu hiệu của mặt khách quan (đó là số lượng, hành vi và mối quan hệ nhân quả) và các dấu hiệu của mặt chủ quan (đó là lỗi và mục đích). Các dấu hiệu này có tính đặc trưng và bắt buộc đối với đồng phạm.

##### **1.1.2.1. Mặt khách quan của đồng phạm**

- *Về số lượng:* Đồng phạm đòi hỏi phải có sự tham gia của hai người trở lên thực hiện một tội phạm. Đây là dấu hiệu bắt buộc thuộc về mặt khách quan của đồng phạm, nếu thiếu dấu hiệu này thì sẽ không có cấu thành đồng phạm. Tội phạm do một người thực hiện chỉ là trường hợp



phạm tội riêng lẻ, cấu thành tội phạm độc lập, hậu quả phạm tội là do hành động và ý chí của một người gây ra. Chỉ khi có từ hai người trở lên tham gia thực hiện tội phạm thì mới có sự bàn bạc và cùng nhau hành động.

#### *1.1.2.2. Mặt chủ quan của đồng phạm*

- *Chủ quan về lỗi:* Đồng phạm đòi hỏi phải có sự cùng cố ý của những người tham gia thực hiện tội phạm do cố ý. Dấu hiệu chủ quan này là bắt buộc và đặc trưng của đồng phạm, nếu thiếu dấu hiệu này sẽ không có đồng phạm và lúc này nó chỉ là hình thức nhiều người cùng phạm một tội.

Điều này được thể hiện trên hai phương diện là lý trí và ý chí.

#### *1.1.2.3. Ý nghĩa của khái niệm đồng phạm*

Khái niệm đồng phạm còn có ý nghĩa trong việc xác định tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi do đồng phạm gây ra nên khi so sánh với các hình thức phạm tội khác như phạm tội riêng lẻ, phạm tội do nhiều người thực hiện nhưng không phải là đồng phạm. Xác định đúng các dấu hiệu của đồng phạm, các loại người đồng phạm có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Thông qua việc xác định đúng những người đồng phạm sẽ xác định đúng những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự để tránh bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội và đảm bảo được công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay.

#### *1.1.3. Các loại người đồng phạm*

Qua nghiên cứu lịch sử lập pháp hình sự của nước ta thì thấy trong Quốc triều hình luật không có quy phạm định nghĩa về người đồng phạm mà chỉ có quy định về người đồng phạm là thủ phạm, chủ mưu, kẻ đồng phạm. Sau khi Cách mạng tháng tám thành công, các văn bản pháp luật hình sự Nhà nước ta ban hành đến trước thời điểm Bộ luật hình sự 1985 ra đời cũng không đưa ra khái niệm về người đồng phạm mà chỉ có quy định lúc đầu là chính phạm, tòng phạm, sau là chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, người xúi giục, người tham gia, người giúp sức.

##### *1.1.3.1. Người thực hành*

Lịch sử lập pháp hình sự của nước ta, người thực hành đã được đề cập đến với những tên gọi khác nhau như: thủ phạm, thủ, chánh yếu phạm. Trong các văn bản pháp luật do Nhà nước ta ban hành trước khi có Bộ luật hình sự 1985 ra đời cũng đã có những cách gọi khác nhau như: các sắc lệnh ban hành ngay sau cách mạng tháng tám gọi là chính phạm, đồng phạm. Đến pháp lệnh ngày 30 tháng 2 năm 1967 trừng trị các tội phản cách mạng thì gọi là bọn tham gia. Đến năm 1985 Bộ luật được ban hành, qua hai lần pháp điển hóa vào năm 1999 và năm 2009 thì khái niệm người thực hành được quy định tại khoản 2 Điều 20 BLHS hiện hành như sau “*Người thực hành là người trực tiếp*

### **Người tổ chức:**

Trong Quốc triều hình luật, người tổ chức được gọi dưới các tên gọi: người khởi xướng, người đứng đầu, kẻ chủ mưu, trong đó nguyên tắc trừng trị người tổ chức được đặt ra là “kẻ chủ mưu nặng tội nhất, còn kẻ khác đều xử giảm một bậc”. Sau khi Cách mạng tháng tám thành công, các văn bản pháp luật hình sự của Nhà nước ta được ban hành cho đến trước khi Bộ luật hình sự 1985 ra đời thì cũng chưa có định nghĩa về người tổ chức mà các văn bản này chỉ quy định về người tổ chức với các tên gọi chủ mưu, cầm đầu, tổ chức, chỉ huy.

#### *1.1.3.2. Người xúi giục*

Tại Điều 21 Hoàng Việt luật lệ quy định “90 tuổi trở lên, 07 tuổi trở xuống, dù có phạm tội chết cũng không phải chịu tội phạm nào. Có ai xúi giục thì bắt tội người đó”. Tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1968, Tòa án nhân dân tối cao đưa ra khái niệm “người xúi giục” như sau: “kẻ xúi giục là kẻ biết có tổ chức phản cách mạng, hưởng ứng mục đích của tổ chức phản cách mạng, không biết hoặc không biết đầy đủ về toàn bộ tổ chức phản cách mạng...”.

#### *1.1.3.3. Người giúp sức:*

Trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, các Bộ luật như Quốc triều hình luật, Hoàng Việt luật lệ đều chưa đưa ra khái niệm người giúp sức. Sau cách mạng tháng tám, những văn bản pháp luật hình sự của Nhà nước ta có đề cập đến người giúp sức với thuật ngữ tòng phạm song cũng chưa có quy phạm định nghĩa về loại người đồng phạm này. Đến khi Bộ luật hình sự 1985 ra đời, qua hai lần pháp điển hóa vào năm 1999 và năm 2009 thì hiện nay khái niệm người giúp sức đã được quy định tại khoản 2 Điều 20 BLHS hiện hành như sau: “Người giúp sức là người tạo những điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm”.

### **1.1.4 . Các hình thức đồng phạm**

Khoa học luật hình sự căn cứ vào những đặc điểm của mối quan hệ giữa người đồng phạm về mặt chủ quan và khách quan để phân loại các hình thức đồng phạm.

Căn cứ vào các đặc điểm về mặt chủ quan có thể phân biệt đồng phạm ra làm hai loại là đồng phạm không có thông mưu trước và đồng phạm có thông mưu trước. Căn cứ vào các đặc điểm về mặt khách quan có thể phân biệt đồng phạm ra làm hai loại là đồng phạm giản đơn và đồng phạm phức tạp.

Trong BLHS Việt Nam, căn cứ cả vào những đặc điểm về mặt khách quan và cả đặc điểm về mặt chủ quan, đồng phạm được phân thành tội phạm có tổ chức và đồng phạm thường.

## **1.2. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo quy định của Luật hình sự Việt Nam**

### ***1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm hình sự***

Trách nhiệm là một thuật ngữ chỉ mối quan hệ qua lại giữa cá nhân, công dân với cộng đồng, với người khác, với xã hội. Theo Đại Từ Điển Tiếng Việt, thuật ngữ “trách nhiệm” được hiểu đơn giản là: “Điều phải làm, phải gánh vác hoặc phải nhận lấy về mình”. Còn trong thực tiễn đời sống xã hội, chính trị và pháp lý “trách nhiệm” thường được hiểu theo hai nghĩa và tương đối thống nhất như sau:

### ***1.2.2. Cơ sở của trách nhiệm hình sự trong đồng phạm***

#### ***1.2.2.1. Cơ sở pháp lý và thực tế của trách nhiệm hình sự***

Cơ sở của trách nhiệm hình sự được nghiên cứu dưới nhiều góc độ, tập trung nhất là góc độ triết học và góc độ pháp lý. Bởi vì, cơ sở của trách nhiệm hình sự chính là căn cứ pháp lý chung rất quan trọng, mà dựa vào đó, các cơ quan, chủ thể có thẩm quyền của Nhà nước mới đặt ra vấn đề trách nhiệm hình sự của một người nào đó trên thực tế vì đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm. Do đó, khi quy định và giải quyết đúng đắn và nhận thức chính xác cơ sở của trách nhiệm hình sự sẽ góp phần triển khai tốt được các chính sách hình sự Việt Nam. Cho nên, “nếu chỉ thấy hành vi (hoặc biết hành vi) mà không thừa nhận các yếu tố khác về mặt chủ quan thì sẽ rơi vào hình thức chủ nghĩa, quy kết trách nhiệm tràn lan, nhưng nếu chỉ vì yếu tố chủ quan mà truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ phạm vào đàn áp tư tưởng...”. Đây là nội dung phản ánh trực tiếp và xuyên suốt mọi nội dung trong Bộ luật hình sự, vì suy cho cùng, giải quyết trách nhiệm hình sự của người phạm tội trước tiên và quan trọng đó là vấn đề cơ sở của trách nhiệm hình sự. Điều này còn phản ánh nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự Việt Nam vì chúng cho thấy: “thứ nhất, trách nhiệm hình sự là hệ quả pháp lý tất yếu của việc phạm tội; thứ hai, điểm khởi đầu của trách nhiệm hình sự thời điểm xảy ra tội phạm”.

#### ***1.2.2.2. Cơ sở thực tế của trách nhiệm hình sự trong đồng phạm***

### ***1.2.3. Một số vấn đề liên quan đến xác định trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm***

#### ***1.2.3.1. Vấn đề chủ thể đặc biệt trong đồng phạm***

Cấu thành tội phạm của tất cả các tội phạm đều đòi hỏi chủ thể phải có hai dấu hiệu là có năng lực trách nhiệm hình sự và độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Một số trường hợp cấu thành tội phạm đòi hỏi chủ thể phải có thêm dấu hiệu đặc biệt khác, vì chỉ có dấu hiệu này mới có thể thực hiện được hành vi phạm tội mà cấu thành tội phạm đó phản ánh. Chủ thể đòi hỏi phải có thêm dấu hiệu đặc biệt như vậy được gọi là chủ thể đặc biệt.

Trong đồng phạm, vấn đề chủ thể đặc biệt chỉ đòi hỏi ở người thực hành phải thoả mãn các điều kiện về chủ thể đặc biệt, còn với những người đồng phạm khác có thể thoả mãn, có thể không thoả mãn dấu hiệu chủ thể đặc biệt. Ví dụ: đối với tội tham ô tài sản được quy định tại Điều 278 BLHS năm 1999: “Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý...”. Theo đó tội tham ô tài sản xảy ra khi và chỉ khi đòi hỏi duy nhất và dứt khoát chủ thể người thực hành phải là “chủ thể đặc biệt – người có chức vụ, quyền hạn” còn những người đồng phạm khác (người tổ chức, người giúp sức, người xúi giục) không nhất thiết và không cần phải là người có chức vụ, quyền hạn. Những người không có chức vụ quyền hạn hoặc người không có trách nhiệm trực tiếp quản lý tài sản cũng có thể trở thành đồng phạm với vai trò là người tổ chức hoặc người giúp sức của tội danh này.

#### *1.2.3.2. Vấn đề xác định giai đoạn thực hiện tội phạm trong đồng phạm*

Khi thực hiện một tội phạm cố ý, những người đồng phạm bao giờ cũng mong muốn thực hiện trọn vẹn quá trình phạm tội để đạt mục đích đã đề ra. Tuy nhiên, do những nguyên nhân ngoài ý muốn của những người đồng phạm, tội phạm phải dừng lại ở những thời điểm nhất định, không thực hiện được trọn vẹn quá trình phạm tội để đạt được kết quả phạm tội chung. Những trường hợp như vậy gọi là đồng phạm chưa hoàn thành. Đồng phạm chưa hoàn thành hay tội phạm do những người đồng phạm thực hiện chưa hoàn thành là trường hợp đặc biệt của của tội phạm chưa hoàn thành (tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt). Chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành là ba mức độ thực hiện tội phạm cố ý có mức độ nguy hiểm cho xã hội tăng dần theo mức độ thực hiện ý định phạm tội. Vì vậy sẽ là bất hợp lý nếu Luật hình sự không phân biệt TNHS đối với ba giai đoạn thực hiện tội phạm này.

Trong một vụ đồng phạm, hành vi của mỗi người đồng phạm tuy có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó chặt chẽ với nhau nhưng vẫn có tính độc lập tương đối, thể hiện vai trò nhất định của từng loại người đồng phạm trong việc cùng tham gia thực hiện tội phạm chung. Để xác định TNHS của từng loại người đồng phạm, cần phải nghiên cứu toàn bộ quá trình thực hiện tội phạm của người thực hành, người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức một cách độc lập tương đối. Điều đó có nghĩa cần phải làm rõ đặc điểm của từng giai đoạn phạm tội từ chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt đến tội phạm hoàn thành của cả bốn loại người đồng phạm.

## Chương 2

# THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT VỀ “TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG ĐỒNG PHẠM THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM” TRONG CÔNG TÁC XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN HAI CẤP CỦA TỈNH ĐẮK LẮK (THỜI GIAN TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2013)

**2.1. Những kết quả đạt được của Cơ quan Tòa án trong việc vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết về “Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm” đối với các vụ án đồng phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (theo số liệu từ năm 2009 đến năm 2013)**

**2.1.1. Thực trạng tình hình tội phạm nói chung và tội phạm tham gia với vai trò đồng phạm nói riêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Để khái quát về tình hình tội phạm nói chung và tội phạm tham gia với vai trò đồng phạm nói riêng trong các vụ án hình sự hiện nay của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không thể thiếu những số liệu thống kê hình sự. Những số liệu này được người viết lấy từ nguồn Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thống kê hằng năm (thời gian từ năm 2009 đến năm 2013).

Tình hình tội phạm nói chung:

**Bảng 2.1: Bảng tổng quan về tình hình tội phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và giải quyết từ năm 2009 – 2013**

Thời gian	Tổng số vụ án thụ lý		Tổng số vụ án giải quyết		Tổng số vụ án đồng phạm đã thụ lý		Tỷ lệ % số vụ đồng phạm so với thụ lý		Tổng số vụ đồng phạm đã giải quyết	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
	2009	1605	3073	1559	2951	404	1872	25,17	60,92	358
2010	1322	2395	1300	2347	347	1420	26,24	59,29	325	1372
2011	1430	2655	1397	2551	392	1617	27,41	60,90	359	1513
2012	1667	3272	1639	3202	406	2011	24,35	61,46	378	1941
2013	1569	3107	1540	3017	409	1947	26,07	62,66	380	1857

(Nguồn thống kê: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Theo bảng số liệu thống kê cho thấy tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk xảy ra tương đối nhiều và diễn biến phức tạp, tội phạm hoạt động với nhiều phương thức, thủ đoạn thể hiện ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Trong thời gian 05 năm (từ năm 2009 đến năm 2013), trên địa bàn toàn tỉnh Đắk Lắk – Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý tổng cộng 7.593 vụ án hình sự sơ thẩm với 14.502 bị cáo (trong đó cấp huyện: 6.988 vụ với 13.113 bị cáo; cấp tỉnh: 605 vụ với 1.389 bị cáo); đã

giải quyết được 7.435 vụ án hình sự với 14.068 bị cáo (trong đó: cấp huyện giải quyết được: 6.842 vụ với 12.743 bị cáo; cấp tỉnh giải quyết được: 593 vụ với 1.325 bị cáo).

Trong tổng số vụ án hình sự đã thụ lý, thì số vụ án có đồng phạm tham gia đã thụ lý là 1.958 vụ án với 8.867 bị cáo tham gia, chiếm tỷ lệ 25,79% số vụ và 61,14% số bị cáo (trong đó: cấp huyện là: 1.748 vụ với 7.873 bị cáo; cấp tỉnh là: 210 vụ với 994 bị cáo). Đã giải quyết được: 1.800 vụ với 8.433 bị cáo, chiếm tỷ lệ 24,21% số vụ và 59,4% số bị cáo (trong đó: cấp huyện: 1.598 vụ với 7.498 bị cáo; cấp tỉnh: 202 vụ với 935 bị cáo). Cụ thể qua từng năm như sau:

+ Năm 2009, số vụ án hình sự có đồng phạm tham gia mà Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý là 404 vụ với 1.872 bị cáo so với tổng số vụ án đã thụ lý là 1.605 vụ với 3.073 bị cáo, chiếm tỷ lệ 25,17% số vụ và 60,92% số bị cáo. Số vụ đồng phạm đã giải quyết là 358 vụ với 1.750 bị cáo so với tổng số vụ án đã giải quyết là 1.559 vụ với 2.951 bị cáo, chiếm tỉ lệ 22,96% số vụ và 59,30% số bị cáo.

+ Năm 2010, số vụ án hình sự có đồng phạm tham gia mà Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý 347 vụ với 1.420 bị cáo so với tổng số vụ án đã thụ lý là 1.322 vụ với 2.395 bị cáo, chiếm tỷ lệ 26,24% số vụ và 59,29% số bị cáo. Số vụ đồng phạm đã giải quyết được 325 vụ với 1.372 bị cáo so với tổng số vụ án đã giải quyết là 1.300 vụ với 2.347 bị cáo, chiếm tỉ lệ 25% số vụ và 58,46% số bị cáo. Như vậy số vụ án có đồng phạm tham gia năm 2010 so với năm 2009 mà Tòa án đã thụ lý giảm về số vụ và số bị cáo, giảm 57 vụ với 452 bị cáo.

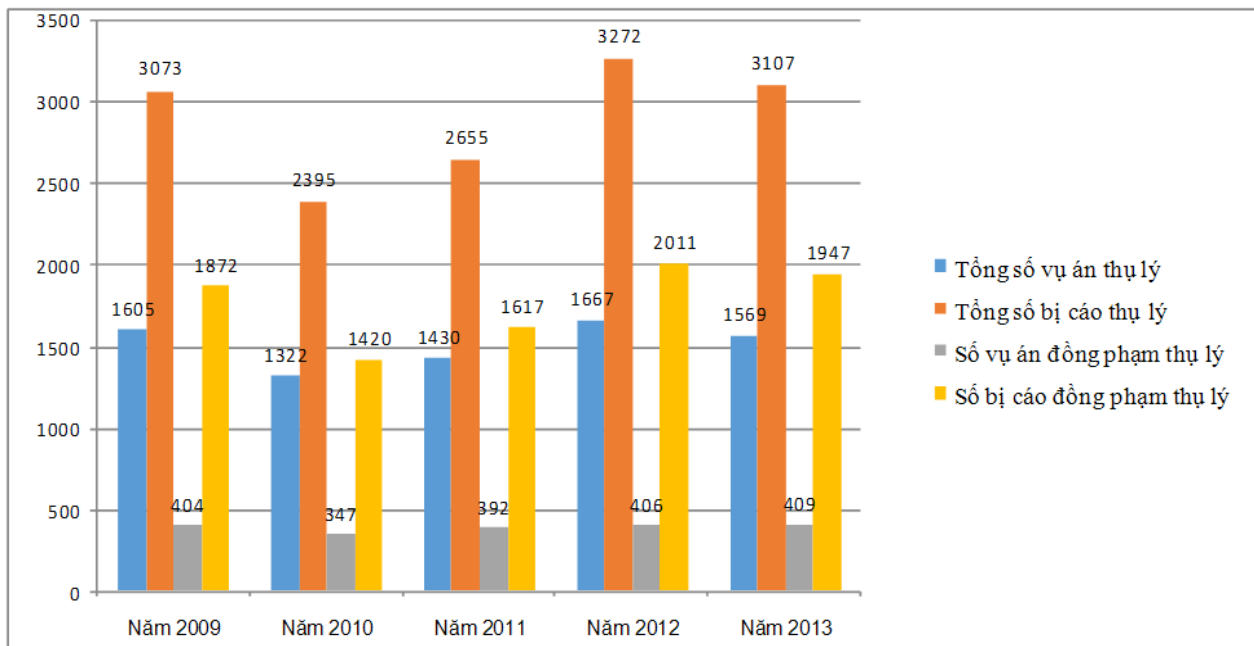
+ Năm 2011, số vụ án hình sự có đồng phạm tham gia mà Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý 392 vụ với 1.617 bị cáo so với tổng số vụ án đã thụ lý là 1.430 vụ với 2.655 bị cáo, chiếm tỷ lệ 27,41% số vụ và 60,90% số bị cáo. Số vụ đồng phạm đã giải quyết được 359 vụ với 1.513 bị cáo so với tổng số vụ án đã giải quyết là 1.397 vụ với 2.551 bị cáo, chiếm tỉ lệ 25,70% số vụ và 59,31% số bị cáo. Số vụ án đồng phạm thụ lý năm 2011 so với năm 2010 tăng cả về số vụ và số bị cáo. Cụ thể, tăng 45 vụ với 197 bị cáo so với năm 2010.

+ Năm 2012, số vụ án hình sự có đồng phạm tham gia mà Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý 406 vụ với 2.011 bị cáo so với tổng số vụ án đã thụ lý là 1.667 vụ với 3.272 bị cáo, chiếm tỷ lệ 24,35% số vụ và 61,46% số bị cáo. Số vụ đồng phạm đã giải quyết được 378 vụ với 1.941 bị cáo so với tổng số vụ án đã giải quyết là 1.639 vụ với 3.202 bị cáo, chiếm tỉ lệ 23,06% số vụ và 60,62% số bị cáo. Số vụ án đồng phạm

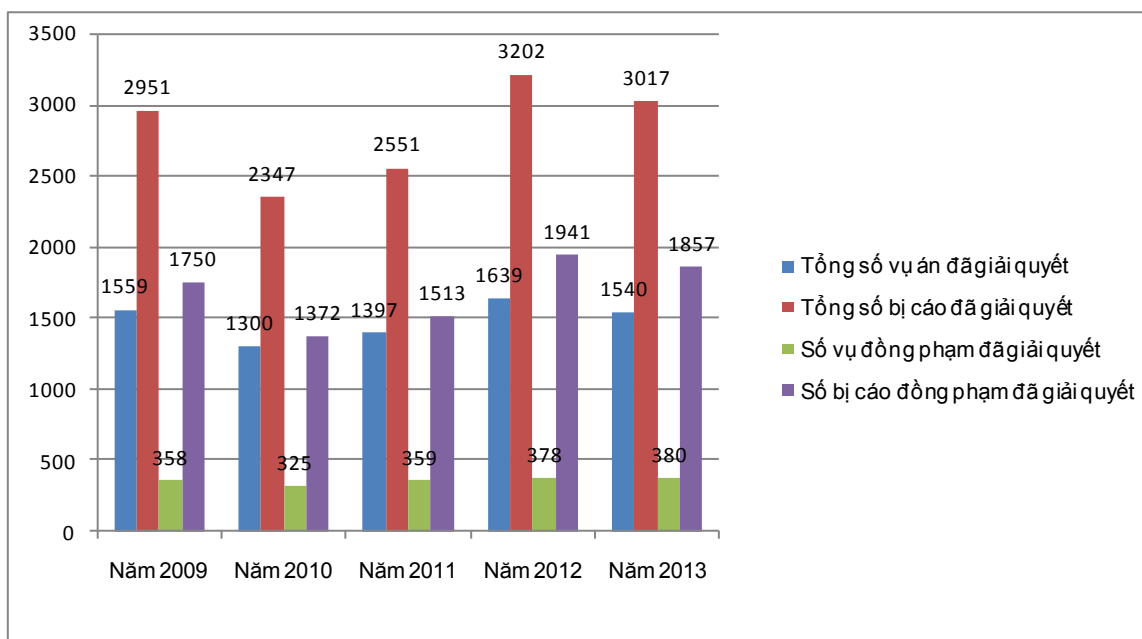
Tòa án thụ lý năm 2012 so với năm 2011 tăng cả về số vụ và số bị cáo. Cụ thể, tăng 14 vụ với 394 bị cáo.

+ Năm 2013, số vụ án hình sự có đồng phạm tham gia mà Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý 409 vụ với 1.947 bị cáo so với tổng số vụ án đã thụ lý là 1.569 vụ với 3.107 bị cáo, chiếm tỷ lệ 26,07% số vụ và 62,66% số bị cáo. Số vụ đồng phạm đã giải quyết được 380 vụ với 1.857 bị cáo so với tổng số vụ án đã giải quyết là 1.540 vụ với 3.017 bị cáo, chiếm tỉ lệ 24,67% số vụ và 61,55% số bị cáo. Như vậy năm 2013 so với năm 2012, số vụ án đồng phạm Tòa án đã thụ lý tăng về số vụ và số bị cáo. Cụ thể, tăng 03 vụ với 64 bị cáo. Năm 2013 so với năm 2009, tăng 05 vụ với 75 bị cáo.

Với thống kê nêu trên có thể thấy số vụ án và số bị cáo tham gia trong các vụ đồng phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian từ năm 2009 đến năm 2013 luôn có sự biến động tăng giảm, có năm tăng về số vụ và tăng số bị cáo, có năm tăng về số vụ nhưng giảm số bị cáo. Nhưng nhìn chung diễn biến tình hình tội phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh mà Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và giải quyết trong năm năm qua là tăng về số vụ và số bị cáo. Điều này thể hiện rõ tính chất phức tạp và nguy hiểm cho xã hội do tội phạm này gây ra ngày càng nghiêm trọng, gây ảnh hưởng rất xấu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng và cả nước nói chung.

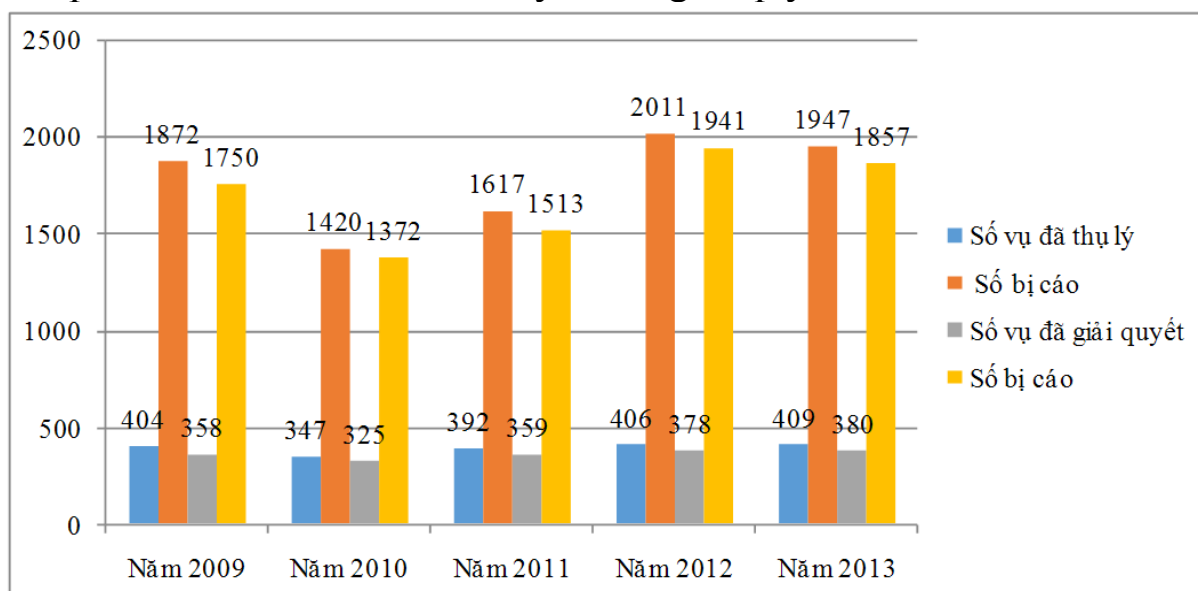


**Biểu đồ 2.1: Số vụ án đồng phạm đã được Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý (thời gian từ năm 2009 đến 2013)**



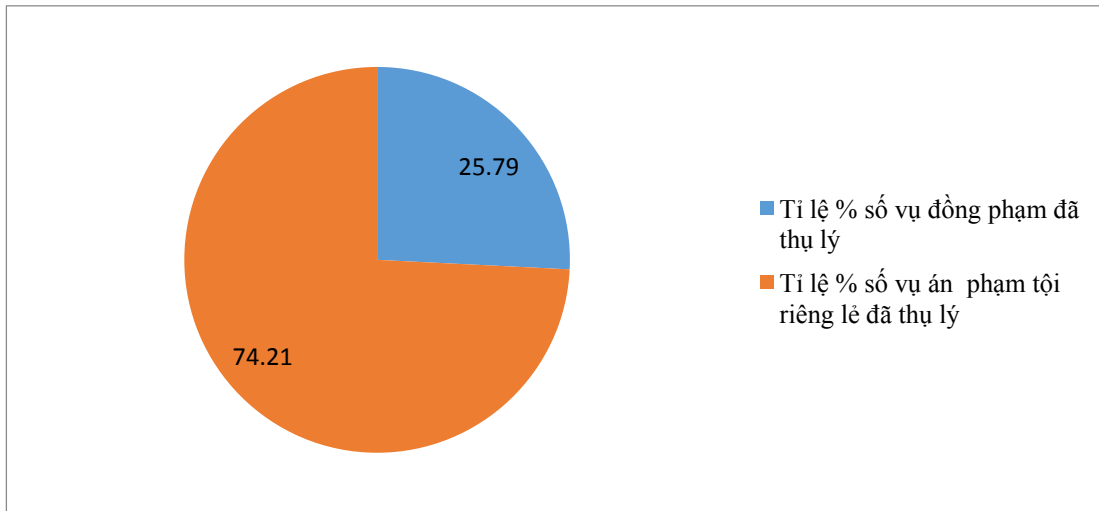
**Bảng 2.2: Số vụ án đồng phạm đã được Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk giải quyết (thời gian từ năm 2009 đến 2013)**

Từ bảng tổng quan về tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk mà Tòa án đã thụ lý và giải quyết từ năm 2009 – 2013 (Bảng 2.1) nêu trên, có thể khái quát lại số vụ án có đồng phạm tham gia mà Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đã giải quyết như sau:

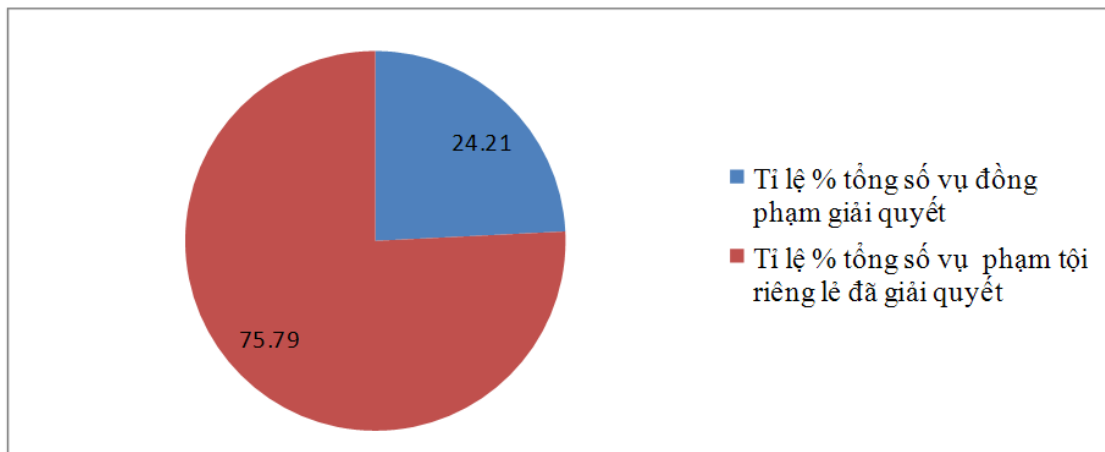


**Biểu đồ 2.3: Tổng số vụ đồng phạm đã được Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết (thời gian từ năm 2009 đến 2013)**

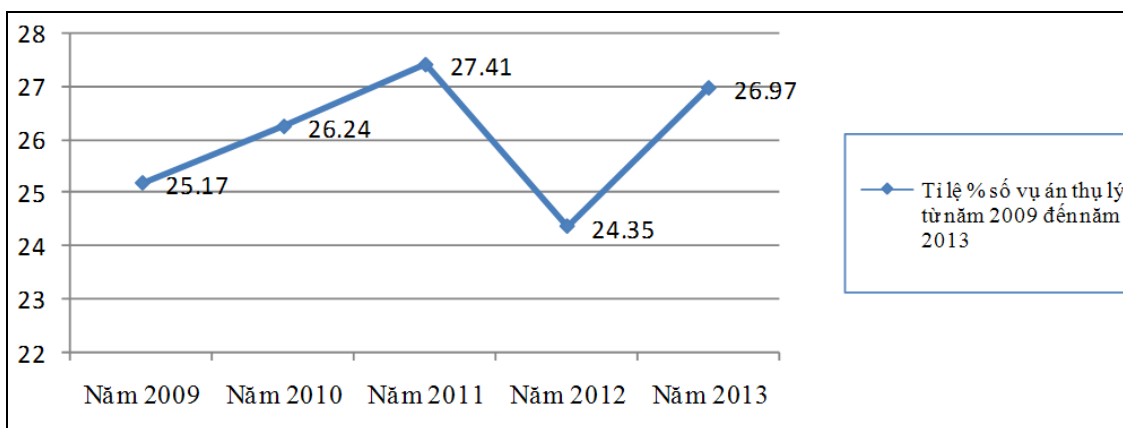




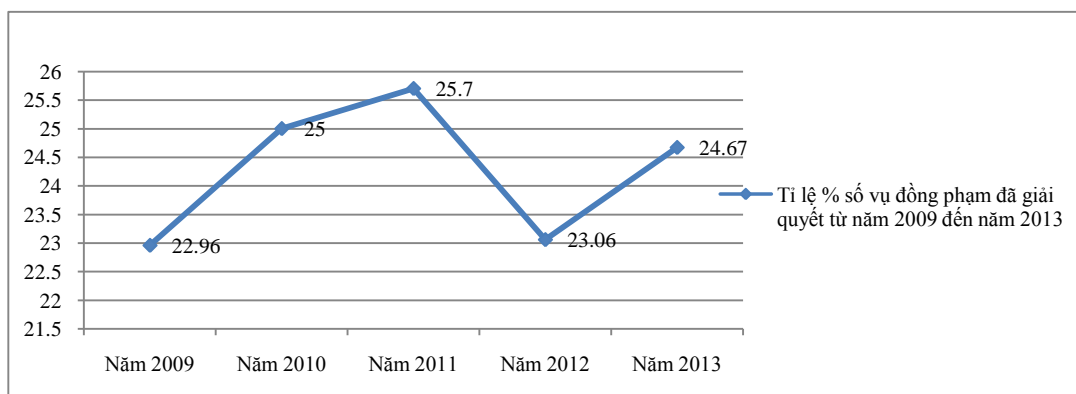
**Biểu đồ 2.4: Tỷ lệ % số vụ đồng phạm Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý (thời gian từ năm 2009 đến 2013)**



**Biểu đồ 2.5: Tỷ lệ % số vụ đồng phạm Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã giải quyết (thời gian từ năm 2009 đến 2013)**



**Biểu đồ 2.6: Bảng xu hướng theo tỷ lệ % số vụ đồng phạm Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý (thời gian từ năm 2009 đến 2013)**



**Biểu đồ 2.7: Bảng xu hướng theo tỷ lệ % số vụ đồng phạm Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã giải quyết (thời gian từ năm 2009 đến năm 2013)**

**Bảng 2.2: Cơ cấu về loại tội phạm đồng phạm theo chương tội danh và điều luật áp dụng**

Tội danh và điều luật áp dụng	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Tổng thụ lý (từ năm 2009 đến năm 2013)	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
Phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 87)	4	15	0	0	1	2	1	4	2	8	8	29
Giết người (Điều 93)	19	105	14	78	16	60	17	63	14	124	80	430
Cố ý gây thương tích (Điều 104)	87	360	111	371	110	354	124	531	128	429	560	2045
Hiếp dâm trẻ em (Điều 112)	2	5	0	0	7	16	7	17	2	4	18	42
Giao cấu trẻ em (Điều 115)	1	2	0	0	0	0	0	0	2	4	3	6
Cướp tài sản (Điều 133)	23	123	24	79	25	97	26	80	44	142	142	521
Cưỡng đoạt tài	13	34	10	23	18	36	3	6	13	30	57	129

sản (Điều 135)												
Cướp giật tài sản (Điều 136)	17	44	15	33	17	45	17	60	18	40	<b>84</b>	<b>222</b>
Trộm cắp tài sản (Điều 138)	71	358	74	260	84	332	81	398	87	424	<b>397</b>	<b>1772</b>
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139)	12	27	8	20	13	30	13	37	15	56	<b>61</b>	<b>170</b>
Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140)	1	2	8	18	15	31	9	61	1	2	<b>34</b>	<b>114</b>
Mua bán trái phép chất ma túy (Điều 194)	23	46	24	58	25	52	21	63	25	63	<b>118</b>	<b>282</b>
Tham ô tài sản (Điều 278)	6	12	1	2	9	18	5	10	0	0	<b>21</b>	<b>42</b>
Nhận hối lộ (Điều 279)	10	41	3	29	3	6	0	0	0	0	<b>16</b>	<b>76</b>
Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280)	3	7	3	6	0	0	0	0	1	2	<b>7</b>	<b>15</b>
Lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281)	3	16	3	30	3	25	1	7	3	16	<b>13</b>	<b>94</b>
Các tội khác	109	675	49	413	46	513	81	674	54	603	<b>339</b>	<b>2878</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>404</b>	<b>1872</b>	<b>347</b>	<b>1420</b>	<b>392</b>	<b>1617</b>	<b>406</b>	<b>2011</b>	<b>409</b>	<b>1947</b>	<b>1958</b>	<b>8867</b>

(Nguồn: TAND hai cấp của tỉnh Đắk Lắk (2009-2013), Một số Bản án, quyết định hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, Đắk Lắk).

Các vụ án có đồng phạm tham gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý để giải quyết trong

năm năm từ năm 2009 đến năm 2013 thể hiện loại tội phạm thực hiện dưới hình thức đồng phạm rất đa dạng, với nhiều loại tội khác nhau được quy định trong Phần tội phạm cụ thể của BLHS. Cụ thể như sau:

- Nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại chương XI của BLHS. Cụ thể là tội “Phá hoại an ninh quốc gia” quy định tại Điều 87 BLHS có 08 vụ với 29 bị cáo.

- Nhóm các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người quy định tại chương XII của BLHS:

+ Tội giết người (Điều 93 BLHS) có: 224 vụ với 574 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 80 vụ với 430 bị cáo.

+ Tội cố ý gây thương tích (Điều 104 BLHS) có: 1.954 vụ với 3.439 bị cáo trong đó số đồng phạm có 560 vụ với 2.045 bị cáo.

+ Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 BLHS) có: 108 vụ với 132 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 18 vụ với 42 bị cáo.

+ Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS) có: 49 vụ với 52 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 03 vụ với 06 bị cáo.

- Nhóm các tội xâm phạm sở hữu quy định tại chương XIV của BLHS:

+ Tội cướp tài sản (Điều 133 BLHS) có: 217 vụ với 596 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 142 vụ với 521 bị cáo.

+ Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135 BLHS) có: 57 vụ với 129 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 57 vụ với 129 bị cáo.

+ Tội cướp giết tài sản (Điều 136 BLHS) có: 126 vụ với 264 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 84 vụ với 222 bị cáo.

+ Tội trộm cắp tài sản (Điều 138 BLHS) có: 1.792 vụ với 3.167 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 397 vụ với 1.712 bị cáo.

+ Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139 BLHS) có: 261 vụ với 370 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 61 vụ với 170 bị cáo.

+ Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140 BLHS) có: 158 vụ với 238 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 34 vụ với 114 bị cáo.

- Nhóm các tội phạm về ma túy quy định tại chương XVIII của BLHS:

+ Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 194 BLHS) có: 518 vụ với 681 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 118 vụ với 282 bị cáo.

- Nhóm các tội phạm về tham nhũng quy định tại chương XVIII của BLHS:

+ Tội tham ô tài sản (Điều 278 BLHS) có: 23 vụ 44 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 21 vụ với 42 bị cáo.

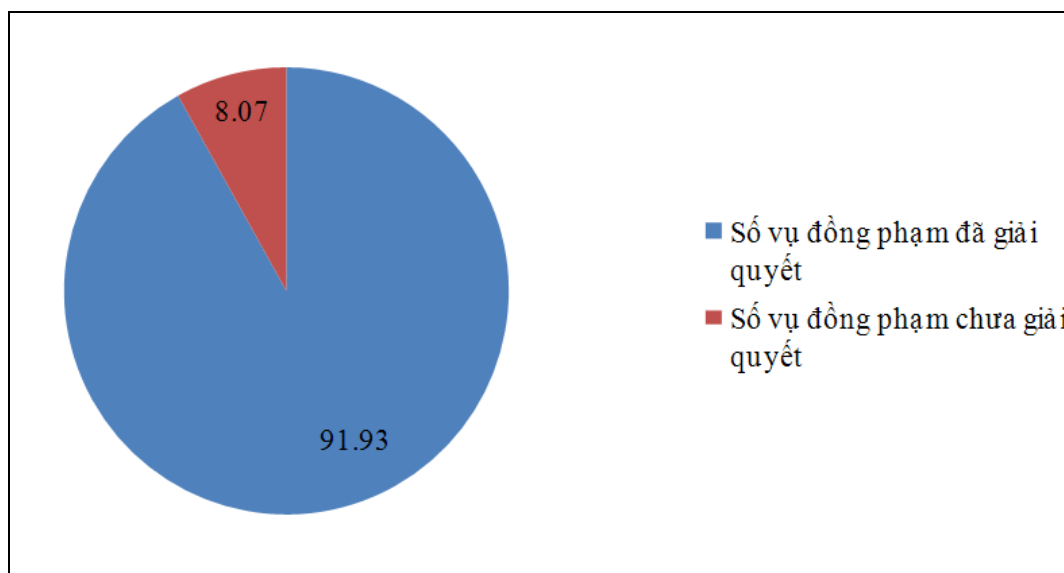
+ Tội nhận hối lộ (Điều 279 BLHS) có số vụ đồng phạm là 16 vụ với 76 bị cáo.

+ Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280 BLHS) có: 17 vụ với 25 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 07 vụ với 15 bị cáo.

+ Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281 BLHS) có số vụ đồng phạm là 13 vụ với 93 bị cáo.

Và các tội khác được quy định trong BLHS có: 2.053 vụ với 4.592 bị cáo trong đó số vụ đồng phạm có 339 vụ với 2.878 bị cáo.

Như vậy, tổng số vụ đồng phạm từ năm 2009 đến năm 2013 Tòa án đã thụ lý là 1.958 vụ với 8.867 bị cáo, đã giải quyết được 1.800 vụ với 8.433 bị cáo (chiếm tỷ lệ 91,93%), số vụ đồng phạm còn lại chưa giải quyết là 158 vụ với 434 bị cáo (chiếm tỷ lệ 8,07%).



**Biểu đồ 2.8: Tỷ lệ % số vụ đồng phạm đã được Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk giải quyết so với thụ lý (thời gian từ năm 2009 đến năm 2013)**

### **2.1.2. Dựa vào tính chất của đồng phạm**

Tội phạm hoạt động dưới hình thức đồng phạm rất đa dạng và phức tạp. So với tội phạm thông thường tội phạm hoạt động dưới hình thức đồng phạm bao giờ cũng nguy hiểm hơn tội phạm riêng lẻ nó thể hiện ở tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả của hành vi do tội phạm gây ra. Và mỗi tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm khác nhau thì có tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội là khác nhau.

Tìm hiểu tình hình tội phạm nói chung và tội phạm dưới hình thức đồng phạm nói riêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thời gian từ năm 2009 đến năm 2013 người viết có con số thống kê như sau:

**Bảng 2.2 Bảng tương quan giữa tội phạm thông thường với phạm tội có tổ chức**

Năm	Đồng phạm thông thường (đồng phạm giản đơn)		Đồng phạm trong phạm tội có tổ chức	
	Số vụ án	Tỷ lệ %	Số vụ án	Tỷ lệ %
2009	358	87.15	46	12.85
2010	309	87.70	38	12.30
2011	345	86.38	47	13.62
2012	363	88.15	43	11.85
2013	362	87.02	47	12.98

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Như vậy nhìn vào bảng thống kê tội phạm có đồng phạm trên chúng ta có thể thấy tội phạm tham gia với vai trò đồng phạm trong thời gian từ 2009 đến năm 2013 xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hoạt động dưới hình thức đồng phạm thông thường là phổ biến, chủ yếu còn đồng phạm dưới hình thức phạm tội có tổ chức có nhưng không đáng kể. Thống kê qua từng năm thì thấy:

- Năm 2009, tổng số vụ đồng phạm là 404 vụ trong đó đồng phạm thông thường có 358 vụ chiếm tỷ lệ 87,15% còn đồng phạm dưới hình thức phạm tội có tổ chức có 46 vụ chiếm tỷ lệ 12,85%.

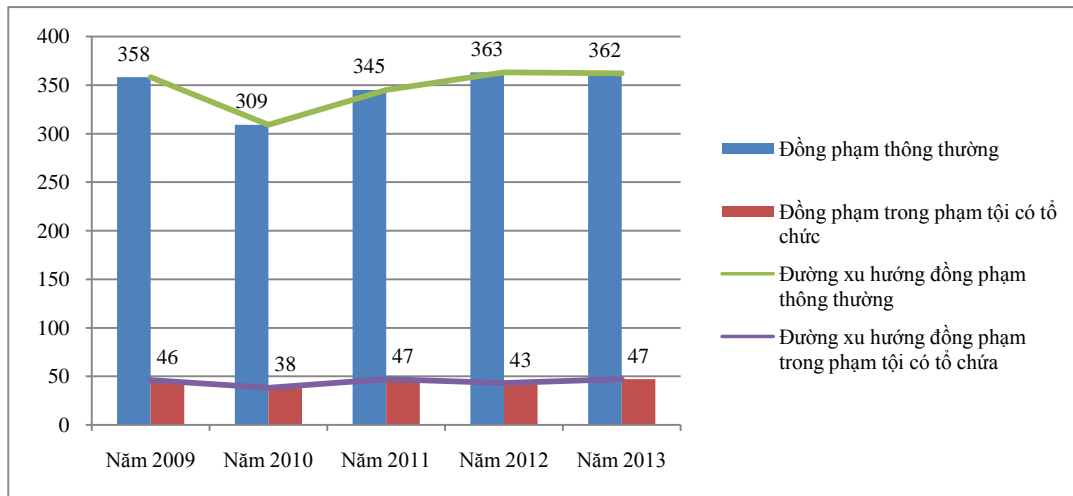
- Năm 2010, tổng số vụ đồng phạm là 347 vụ trong đó đồng phạm thông thường có 309 vụ chiếm tỷ lệ 87,70% còn đồng phạm dưới hình thức phạm tội có tổ chức có 38 vụ chiếm tỷ lệ 12,30%. Tổng số vụ đồng phạm năm 2010 so với năm 2009 giảm 57 vụ (trong đó: đồng phạm thông thường có 49 vụ, phạm tội có tổ chức có 08 vụ).

- Năm 2011, tổng số vụ đồng phạm là 392 vụ trong đó đồng phạm thông thường có 345 vụ chiếm tỷ lệ 86,38% còn đồng phạm dưới hình thức phạm tội có tổ chức có 47 vụ chiếm tỷ lệ 13,62%. Như vậy, so với năm 2010 thì năm 2011 tăng 45 vụ (trong đó: đồng phạm thông thường tăng 36 vụ so với năm 2010 còn đồng phạm có tổ chức tăng 09 vụ).

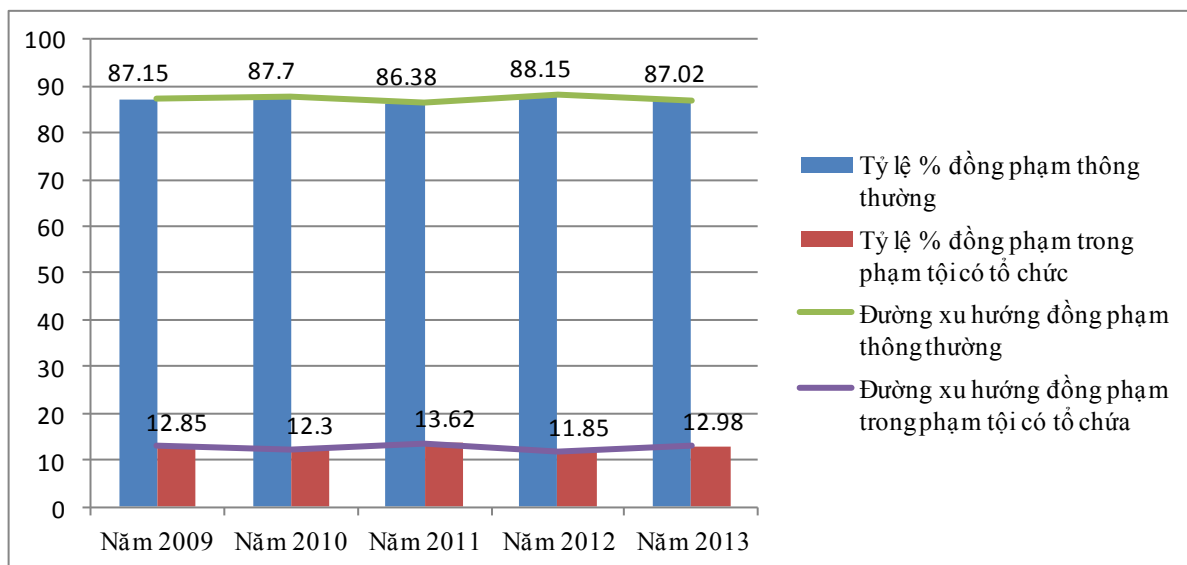
- Năm 2012, tổng số vụ đồng phạm là 406 vụ đồng phạm trong đó đồng phạm thông thường có 363 vụ chiếm tỷ lệ 88,15% còn đồng phạm dưới hình thức phạm tội có tổ chức có 43 vụ chiếm tỷ lệ 11,85%. Tổng số vụ đồng phạm năm 2012 so với năm 2011 tăng 14 vụ (trong đó: đồng phạm thông thường tăng 18 vụ so với năm 2011 còn đồng phạm có tổ chức giảm 04 vụ chỉ còn 43 vụ so với năm 2011 là 47 vụ).

- Năm 2013, tổng số vụ đồng phạm là 409 vụ đồng phạm trong đó đồng phạm thông thường có 362 vụ chiếm tỷ lệ 87,02% còn đồng phạm dưới hình thức phạm tội có tổ chức là 47 vụ chiếm tỷ lệ 12,98%. Tổng số

vụ đồng phạm năm 2013 so với năm 2012 tăng 03 vụ. Tuy nhiên số vụ đồng phạm thông thường giảm 01 vụ còn đồng phạm phạm tội có tổ chức lại tăng lên 04 vụ.



**Biểu đồ 2.9: Bảng tương quan giữa tội phạm thông thường với phạm tội có tổ chức**



**Biểu đồ 2.10: Bảng tương quan tỷ lệ % giữa tội phạm thông thường với phạm tội có tổ chức**

Như vậy, tội phạm hoạt động dưới hình thức đồng phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói chung chủ yếu tập trung dưới hình thức đồng phạm thông thường và chiếm tỷ lệ cao hơn so với đồng phạm dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Với hình thức đồng phạm thông thường đây là hình thức đồng phạm trong đó không có sự thỏa thuận, bàn bạc với nhau trước giữa những người đồng phạm hoặc là có thỏa thuận nhưng không đáng kể.

### *Chương 3*

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG ĐỒNG PHẠM THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NHẪM ĐÁP ỨNG VỚI THỰC TIỄN XÉT XỬ, CÔNG TÁC ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP HIỆN NAY**

**3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam**

**3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự hiện hành nhằm để giải quyết về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm**

Hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, đặc biệt là chất lượng xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk nói riêng và của cả hệ thống Tòa án nhân dân nói chung đã và đang được Đảng, Nhà nước và nhân dân rất quan tâm vì hoạt động áp dụng pháp luật của cơ quan Tòa án qua công tác xét xử công khai là biểu hiện tập trung nhất của nền tư pháp Việt Nam, là một trong những thước đo quan trọng về các vấn đề pháp chế, dân chủ, công lý, công bằng xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhằm bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

**3.3. Những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật để giải quyết về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

#### ***3.3.1. Nhóm giải pháp về tổ chức cán bộ và chuyên môn nghiệp vụ***

Chất lượng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng xét xử án hình sự nói chung và giải quyết các vụ án đồng phạm nói riêng. Do đó, việc nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân là một yêu cầu cấp bách xuất phát từ thực tiễn xét xử nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả áp dụng pháp luật để giải quyết về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm thì phải thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ xét xử cho Thẩm phán, Hội thẩm. Nâng cao chất lượng Thẩm phán trên cơ sở nâng cao chất lượng hoạt động xét xử, lấy hoạt động xét xử làm trung tâm. Thẩm phán là nhân vật trung tâm, quyết định việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Tòa án - công tác xét xử. Chất lượng đội ngũ Thẩm phán là một trong những yếu tố quan



trọng quyết định hiệu quả hoạt động xét xử của Tòa án. Nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán được xem là nhiệm vụ then chốt, có vai trò quyết định hiệu quả của hoạt động xét xử nói chung và hoạt động xem xét xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm nói riêng để từ đó ra một bản án đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội. Để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay, cần phải:

### ***3.3.2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật***

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật có vai trò rất quan trọng trong việc triển khai các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với mọi người dân, qua đó người dân nắm bắt và hiểu biết thực hiện đúng các quy định pháp luật góp nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

## **KẾT LUẬN**

Qua thực tiễn xét xử các vụ án hình sự thực hiện dưới hình thức đồng phạm của Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk trong những năm qua thì thấy tình hình tội phạm ở Đắk Lắk diễn biến hết sức phức tạp, các loại hình tội phạm không ngừng gia tăng, thể hiện tính chống đối coi thường pháp luật. Việc xác định trách nhiệm hình sự đối với từng người đồng phạm trong vụ án không phải là dễ dàng bởi không phải trong mọi trường hợp vai trò của từng người tham gia thực hiện tội phạm trong vụ đồng phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội như nhau.

Đồng phạm là một hình thức phạm tội đặc biệt. Vấn đề đặt ra cho các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử là cần phải có những biện pháp cần thiết để xác định được các hình thức đồng phạm, các loại người đồng phạm, bởi đó là cơ sở để xác định trách nhiệm hình sự cho từng người đồng phạm trong vụ án dựa trên hành vi thực hiện, tính chất và mức độ tham gia của mỗi người, là căn cứ quan trọng để đảm bảo nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm. Việc xác định trách nhiệm hình sự của từng người đồng phạm không những phải tuân thủ các nguyên tắc được áp dụng cho mọi trường hợp phạm tội nói chung mà còn phải tuân thủ các nguyên tắc có tính đặc thù áp dụng cho đồng phạm nói riêng. Trong đồng phạm có thể có một hoặc nhiều loại người đồng phạm tham gia và các hành vi của những người đồng phạm tuy có mối liên kết thống nhất với nhau nhưng mỗi loại hành vi vẫn có tính độc lập tương đối, phản ánh vị trí, vai trò nhất định của từng người trong quá trình cố ý tham gia thực hiện tội

phạm chung. Theo Luật hình sự Việt Nam có các giai đoạn thực hiện tội phạm cố ý nói chung, thì cũng có thể có các giai đoạn thực hiện tội phạm của từng loại người đồng phạm nói riêng - người thực hành, người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức. Thực tiễn cho thấy tình hình tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm diễn biến phức tạp Luật quy định chưa rõ, chưa kịp thời về loại tội phạm thực hiện, do đó cần thiết phải có sự sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự để việc áp dụng các quy phạm pháp luật nói chung, cũng như các quy phạm pháp luật về đồng phạm nói riêng được chính xác và thống nhất.

Luận văn thạc sĩ luật học với đề tài về *“Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)”* đã nêu lên được cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý đồng phạm, trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam; Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống lý luận và pháp lý, phân tích đánh giá tình hình và kết quả thực tiễn xét xử của Tòa án đối với các vụ án đồng phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian từ năm 2009 đến năm 2013; chỉ ra những ưu điểm và hạn chế về giải quyết trách nhiệm hình sự trong đồng phạm mà Tòa án đã giải quyết và nguyên nhân của những hạn chế đó, đồng thời luận văn còn đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.